TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23/11/2018
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Vân.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hòa.
Bà Nguyễn Thị Thu Phương.

Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Minh Anh- Thư ký Toà án nhân dân Huyện A, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Việt Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 562/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2018 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/QĐXX-ST ngày 09/11/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1991.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Đ, Xã H, Huyện A, Thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Mai Duy T, sinh năm 1989.

Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố số 1, Thị trấn Y, Huyện H, Tỉnh Nam Định. Tạm trú: Thôn Đ, Xã H, Huyện A, Thành phố Hà Nội.

Có mặt: Chị N. Vắng mặt: Anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 20/9/2018 và các bản tự khai tiếp theo nguyên đơn trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị kết hôn với anh T ngày 01/02/2018 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện H, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn chị và anh T thuê nhà sinh sống tại thôn Đ, xã H, huyện A, Hà Nội. Vợ chồng chị ăn, ở riêng gần nhà bố mẹ đẻ chị, bố mẹ anh T sinh sống ở quê Nam Định. Ngay sau khi chung sống vợ chồng chị đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh T có lời nói và hành động xúc phạm chị. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả, chị bỏ về sống cùng bố mẹ chị từ tháng 5/2018. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- *Về con chung:* Chị và anh T chưa có con chung. Hiện chị đang mang thai tháng thứ 8.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh nhất trí với phần trình bày của chị N về thời gian, điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng anh thuê nhà sinh sống tại thôn Đ, xã H, huyện A, Hà Nội. Trong cuộc sống vợ chồng anh không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị N mang thai có những thay đổi về tâm lý. Theo anh hai bên cùng có lỗi để dẫn đến mâu thuẫn. Nay chị N xin ly hôn, tại thời điểm này anh không đồng ý.

- *Về con chung:* Anh và chị N chưa có con chung. Hiện chị N đang mang thai tháng thứ 8.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A, Hà Nội phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như của các đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N về việc xin ly hôn anh T. Chị N được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị N và T chưa có con chung, hiện chị N đang mang thai. Vụ án thuộc trường hợp đương sự phải chịu án phí không có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về thẩm quyền: Bị đơn là anh Mai Duy T có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố số 1, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn với chị N thì anh T đăng ký tạm trú và sinh sống tại thôn Đ, xã H, huyện A, Hà Nội. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, Hà Nội.

{2} Về thủ tục tố tụng: Anh Mai Duy T đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

{3} Về nội dung:

{3.1} Về quan hệ hôn nhân: Chị N kết hôn với anh T ngày 01/02/2018 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện H, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn chị N và anh T thuê nhà sinh sống tại thôn Đ, xã H, huyện A, Hà Nội. Ngay sau khi chung sống vợ chồng chị đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, hai bên đã ly thân nhau từ tháng 5 năm 2018. Chị N yêu cầu được ly hôn, anh T không đồng ý.

Mặc dù anh T không đồng ý ly hôn, nhưng anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng vì khi Tòa án đang tiến hành hòa giải thì anh T tự bỏ về, không tiếp tục tham gia hòa giải. Qua thu thập chứng cứ thì thấy, thực tế hôn nhân của hai anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chính vì vậy, việc chị N xin ly hôn là có căn cứ nên được chấp nhận.

{3.2} Về con chung: Chị N và anh T chưa có con chung. Hiện chị N đang mang thai tháng thứ 8.

{*3.3} Về tài sản chung, nợ chung:* Ghi nhận sự tự nguyện của chị N, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

{4} Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28; Điều 227; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị N về việc xin ly hôn anh Mai Duy T.

Chị Đỗ Thị N được ly hôn anh Mai Duy T.

2. Về con chung: Chị N và anh T chưa có con chung. Hiện chị N đang mang thai tháng thứ 8.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị N, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị N phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0001871 ngày 11/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn.

5. Án xử công khai sơ thẩm, chị Đỗ Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Mai Duy T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện A.
- TAND T.P Hà Nội.
- Những người tham gia tố tụng.
- UBND thị trấn Y.
- Chi cục THADS huyện A.
- Lưu hồ sơ.

Đỗ Thị Vân